TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2023/DS-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngân và ông Võ Thái Quân

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST-DS, ngày 23/3/2023 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 120/QĐST-DS, ngày 29/5/2023 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: ấp Bình T1, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang và anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: tổ 13, ấp T1 (nay là Khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang là những người thuộc hàng thừa kế quyền của bà Phạm Thị Bông, sinh năm 1964. Nơi cư trú: tổ 13, ấp Trung 1 (nay là Khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang đã chết.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Hoàng L: ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: ấp Bình T1, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang g làm đại diện.(ông K có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 12, ấp T1 (nay là Khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Minh K cùng đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Hoàng L trình bày:

Nguyên trước đây lúc còn sống thì bà Phạm Thị B có cho ông Huỳnh Thanh P (hàng xóm) vay mượn số tiền rất nhiều lần để trả đáo hạn nợ ngân hàng và mua bán, thấy ông P có cơ sở làm ăn gần nhà có uy tín nên cho vay số tiền vào những ngày như sau: Vào các ngày 26/6/2021âl ông P có xác nhận vay mượn số tiền 100.000.000 đồng; ngày mồng 03/7/2021âl ông P vay mượn số tiền 100.000.000 đồng; ngày18/7/2021âl ông P có vay mượn số tiền 250.000.000đ, tổng cộng ông P vay mượn số tiền là 450.000.000 đồng. Do vào ngày 13/9/2021DL thị trấn PM phát dịch bệnh Covi19 gia đình nằm trong tâm dịch, vào ngày 23/9/2021 vợ chồng đã bị nhiễm được đưa đến Bênh viện TP Châu Đốc điều trị đến ngày 03/10/2021 thì bà Phạm Thị B đã chết.

Trước khi chết vào ngày 20/9/2021 bà B sợ sổ sách, giấy tờ liên quan các khoản tiền cho ông P vay mượn thất lạc thì chồng con sẽ không biết nên dùng điện thoại chụp lại các biên nhận nợ để lưu lại. Theo các giấy tờ lưu lại thì xác định ông P còn nợ tổng cộng số tiền vay là 450.000.000 đồng, khi thông báo cho ông Phong thì bất ngờ ông P chỉ còn thừa nhận thiếu số tiền là 50.000.000 đồng và hứa sẽ trả sau, chứ không thừa nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng theo các biên nhận thể hiện. Cho đến khoảng 03-04 tháng sau đó thì ông P có đến gặp đứa con tên Phạm Hoàng L đưa trả số tiền 20.000.000 đồng bảo đem về cho ông K nhưng không đến đối chiếu với số tiền còn nợ như thế nào.

Do bà Phạm Thị B chết thì xác định hàng kế thừa quyền của bà B gồm: cha ruột bà B là ông Phạm Văn G (chết ngày 28/9/2021); mẹ ruột tên Trần Thị Q (chết ngày 27/9/2021); 01 đứa con ruột tên Phạm Hoàng L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: tổ 13, ấp T1 (nay là Khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (con riêng của bà B) và 01 người chồng hợp pháp tên Nguyễn Minh K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: ấp Bình T1, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/2/2008), ngoài ra không còn con riêng, con ngoài giá thú nào khác. Như vậy hàng kế thừa quyền của bà B hiện tại chỉ chồng hợp pháp tên Nguyễn Minh K và 01 đứa con ruột tên Phạm Hoàng L hưởng quyền này nên cùng làm đơn khởi kiện đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh P.

Nay ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L yêu cầu Toà án buộc ông Huỳnh Thanh P có nghĩa vụ trả lại số tiền vay mượn còn nợ là 430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất phát sinh. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Thanh P trình bày: ông và bà B chỉ hàng xóm với nhau, không có họ hàng gì hết; nguyên trước đây ông có vay mượn tiền của bà Phạm Thị B vào khoảng năm 2018 – 2019 (không nhớ chính xác), lần đầu tiên vay tiền bao nhiêu là không biết, bình quân thường ông vay mượn số tiền 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, hình thức vay chỉ thoả thuận miệng, lãi suất thoả thuận miệng là 8%/tháng; vay nóng để trả nợ đáo hạn cho Ngân hàng, thời gian vay khoảng 07 ngày đến 10 ngày chứ không có vay thời hạn dài; khi vay ngân hàng lại được thì trả lại số tiền vốn cho bà B nên các bên chỉ vay mượn chỉ thoả thuận bằng miệng không có sổ

sách hay biên nhận gì. Nhưng ông P xác định khi vay mượn bà B số tiền lớn thì bà B có kêu làm biên nhận nhưng không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu; khi được Toà án cho xem 03 biên nhận gồm: biên nhận đề ngày 26/6/2021âl; biên nhận đề ngày 03/7/2021âl và biên nhận đề ngày 18/7/2021âl thì ông P xác nhận là chữ ký và chữ viết của ông P viết và ký tên họ tên trong 03 tờ giấy biên nhận, đúng với số tiền vay mượn ghi trong biên nhận. Đồng thời ông P cho rằng có trả cho bà B lúc còn sống số tiền 400.000.000 đồng vào tháng 8/2021 (không nhớ ngày); cũng không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ đưa tiền cho bà B trực tiếp nhận số tiền này; không có kêu bà B xoá sổ, cũng không lấy lại các tờ biên nhận gốc hiện bà B đã giữ và không ai chứng kiến việc giao tiền này do sơ ý giống như các lần trước vay mượn chỉ đưa tiền là xong thì đi về nhà chứ không nghỉ bị thưa kiện như ngày hôm nay. Đã trả cho anh L thêm số tiền 20.000.000 đồng, hiện nay chỉ cỏn thừa nhận thiếu bà B số tiền 30.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho hàng kế thừa quyền của bà Bông gồm ông K và anh L số tiền là 30.000.000 đồng chứ không đồng ý trả theo yêu cầu của ông K, anh L buộc ông trả số tiền 430.000.000 đồng do ông đã trả cho bà B xong số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 12, ấp T1 (nay là Khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. trả tiền vốn vay mượn còn nợ được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh vào thời điểm cuối cùng là ngày 18/7/2021âl (nhằm ngày 25/8/2021DL) do một bên không thực hiện nghĩa vụ với nhau nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: các đương sự trong vụ án có mặt tại phiên tòa theo quy định nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử.

Xác định những người thừa kế quyền theo pháp luật của bà Phạm Thị B đã chết vào ngày 03/10/2021 gồm: cha ruột bà B là ông Phạm Văn G (chết ngày 28/9/2021); mẹ ruột tên Trần Thị Q (chết ngày 27/9/2021); 01 đứa con ruột tên Phạm Hoàng L (con riêng của bà B) và 01 người chồng hợp pháp tên Nguyễn

Minh K (theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/2/2008), ngoài ra không còn con riêng, con ngoài giá thú nào khác nên HĐXX xác định ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L là những người duy nhất thuộc hàng hưởng thừa kế quyền của bà Bông theo quy định tại Điều 649 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ giao dịch hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Lời khai của nguyên đơn ông K, anh L và lời khai của bị đơn ông P thống nhất về việc xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản giữa ông P với bà B; ông P thừa nhận theo 03 giấy biên nhận gồm: biên nhận đề ngày 26/6/2021âl; biên nhận đề ngày 03/7/2021âl và biên nhận đề ngày 18/7/2021âl do nguyên đơn cung cấp thì ông P xác nhận là chữ ký và chữ viết của ông P viết và ký tên họ tên, đúng với số tiền vay mượn ghi trong 03 biên nhận, nhưng tại phiên toà ông P cho rằng có trả cho bà B lúc còn sống với số tiền 400.000.000 đồng vào tháng 8/2021 (không nhớ ngày); cũng không có giấy tờ gì chứng minh, không có kêu bà B xoá sổ, cũng không lấy lại các tờ giấy biên nhận gốc hiện bà B đã giữ và không có ai biết và chứng kiến việc trả tiền vốn này, HĐXX đánh giá các lời khai của ông P trong quá trình giải quyết vụ án thì tại bản tự khai đề ngày 19/4/2023 ông P khai các lần vay của bà B thì không có làm giấy tờ biên nhận gì hết, chỉ thoả thuận bằng miệng và chỉ bà B ghi sổ theo dõi chứ ông không có ký tên gì hết nhưng đến khi Toà án tiền hành công khai chứng cứ và hoà giải có công khai các chứng cứ là 03 tờ giấy biên nhận thì ông P được xem và thay đổi lời khai của mình thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào các tờ giấy biên nhận tiền của bà B. Mặc khác, ông P cho rằng trả cho bà B số tiền 400.000.000 đồng nhưng không lấy lại các biên nhận vì sơ ý là vô lý vì đây là số tiền rất lớn, ông cũng biết mỗi lần vay tiền của bà B thì bà B buộc ông P phải làm từng biên nhận vay mượn tiền thì khi ông trả lại tiền vốn vay thì phải có trách nhiệm lấy lại hoặc yêu cầu bà B xác định đã nhận số tiền mà ông đã trả, vả lại hiện nay bà B đã chết thì không thể đối chất làm rõ theo lời trình bày của ông; theo quy định pháp luật các giao dịch dân sự khi phát sinh tranh chấp thì các đương sự tự chứng minh để đảm bảo quyền lợi cho mình.

Đồng thời ông K, ông P cũng thống nhất ông P có trả thêm số tiền vốn là 20.000.000 đồng, ông K, anh L chỉ yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả lại số tiền vay mượn còn nợ là 430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất phát sinh là có lợi cho ông P, ngoài ra ông P cũng không có yêu cầu gì về lãi suất trong quá trình Toà án giải quyết. Tại phiên tòa ông K đồng ý giảm bớt cho ông P số tiền vốn mượn là 30.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông P trả ngay số tiền vốn mượn là 400.000.000 đồng, đối với số tiền vốn mượn là 30.000.000 đồng thì rút lại không yêu cầu, riêng ông P chỉ đồng ý trả cho ông K, anh L số tiền vốn mượn là 200.000.000 đồng nhưng trả mỗi tháng từ 5.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền

vốn này không đồng ý trả đủ số tiền 400.000.000 đồng nhưng ông K không đồng ý.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông K, anh L buộc ông P chịu trách nhiệm trả số tiền vốn vay mượn tổng cộng là 400.000.000 đồng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu về rút yêu cầu đối với số tiền 30.000.000 đồng theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sư 2015, vì vậy HĐXX không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông K và anh L không phải chịu án phí. Do đó, bị đơn ông P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 649; Điều 651 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử một phần rút yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L đối với ông Huỳnh Thanh P số tiền 30.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L đối với ông Huỳnh Thanh P.

Buộc ông Huỳnh Thanh P chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L số tiền vốn vay tổng cộng là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Thanh P phải chịu án phí 20.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Minh K và anh Phạm Hoàng L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006031, ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện PT;
-CCTHADS huyện PT;
-TAND tỉnh An Giang;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận